

3. **Trương Hữu Dũng, Phan Đình Thắm và Trần Văn Thăng** (2018). Giáo trình phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
4. **Nguyen Van Duy, Nassim M., Do Duc Luc, Pham Kim Dang, Dao Thi Hiep, Bui Huu Doan, Vu Dinh Ton and Frederic F.** (2015). Ho Chicken in Bac Ninh province: from an indigenous chicken to local poultry breed. *Int. J. Poul. Sci.*, **14**(9): 521-28.
5. **Bùi Hữu Đoàn, Phạm Kim Đăng, Hoàng Anh Tuấn và Nguyễn Hoàng Thịnh** (2016). Liên Minh chicken breed and livelihood of people on district island Cat Hai of Hai Phong city, Vietnam: Characterization and prospects. *JAHST*, **209**: 26-31.
6. **Giulia S., Fulvia B., Giuliana P. and Giuseppe M.** (2020). Quality of eggs and albumen technological properties as affected by *Hermetia Illucens* Larvae Meal in Hen's Diet and Hen age. *Animal (basel)*, **10**(1): 81.
7. **Nguyễn Bá Mùi và Phạm Kim Đăng** (2016). Khả năng sản xuất của gà Ri và con lai (Ri-Sasso- Lương Phương) nuôi tại An Dương, Hải Phòng. *Tạp chí KHPT*, **3**(7): 392-99.
8. **Vũ Quang Ninh** (2002). Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của giống gà xương đen Thái Hoà Trung Quốc. Luận Văn Thạc Sĩ Khoa học Nông nghiệp, Trường ĐH Nông nghiệp I, Hà Nội.
9. **Lê Thanh Phương, Lưu Hữu Mạnh và Nguyễn Nhựt Xuân Dung** (2014). Ảnh hưởng các tỷ lệ axit béo omega-6/omega-3 khẩu phần lên năng suất sinh sản và thành phần axit béo, cholesterol của lòng đỏ trứng gà. *Tạp chí KH trường ĐH Cần Thơ*, **2**: 36-45.
10. **Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Hoàng Thịnh, Hoàng Anh Tuấn, Phạm Kim Đăng, Vũ Việt Anh và Bùi Hữu Đoàn** (2021). So sánh kết quả phân tích tỷ lệ vỏ, lòng trắng và lòng đỏ của trứng gia cầm bằng một số phương pháp khác nhau. *Kỷ yếu HNKH Chăn nuôi Thú y toàn quốc 2021*. NXB Đại học Huế, trang: 451-58.
11. **Tolik D., Polawska E., Churata A., Nowaczewski S. and Ross C.** (2014). Characteristics of egg parts, chemical composition and nutritive value of Japanese quail eggs- a review. *Folia Biologica.*, **62**(4): 287-92.
12. **Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Thanh Lâm, Mai Thị Thanh Nga và Bùi Hữu Đoàn** (2020a). Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà Bang Trới. *Kỷ yếu HTKHCN Chăn nuôi-Thú y. Định hướng phát triển bền vững 2020*. trang: 247-54.
13. **Nguyễn Hoàng Thịnh, Bùi Hữu Đoàn và Nguyễn Thị Phương Giang** (2020b). Khả năng sinh sản của gà Ri Lạc Sơn nuôi tại Khoa chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. *Kỷ yếu HT KHCN Chăn nuôi-Thú y. Định hướng phát triển bền vững 2020*, trang: 279-85.
14. **Nguyễn Hoàng Thịnh, Bùi Hữu Đoàn và Nguyễn Thị Châu Giang** (2020c). Đánh giá khả năng sinh sản của gà Lạc Thủy nuôi bán thâm canh. *Kỷ yếu HT KHCN Chăn nuôi-Thú y. Định hướng phát triển bền vững 2020*, trang: 273-78.
15. **Phùng Đức Tiến, Nguyễn Thị Mười và Dương Thị Anh Đào** (2001). Kết quả nghiên cứu chọn lọc một số tính trạng sản xuất của gà Ai Cập qua các thế hệ. *Báo cáo KH Chăn nuôi Thú y 1998-1999*. Phần Chăn nuôi gia cầm, trang: 24-34.
16. **Phùng Đức Tiến, Nguyễn Thị Mười và Lê Thị Nga** (2003). Nghiên cứu khả năng sản xuất của con lai giữa trống Goldline với mái Ai Cập. *Tuyển tập công trình NCKHCN chăn nuôi gà*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
17. **Phùng Đức Tiến, Nguyễn Thị Mười và Lê Thu Hiền** (2004). Nghiên cứu nhân thuần chọn lọc một số tính trạng sản xuất của gà Ai Cập qua 6 thế hệ. *Tuyển tập công trình NCKHCN chăn nuôi gà*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
18. **Phùng Đức Tiến và Nguyễn Thị Mười** (2006). Nghiên cứu khả năng sản xuất của tổ hợp lai giữa gà Ai Cập với gà Ấc Thái Hòa Trung Quốc. *Luận văn thạc sỹ nông nghiệp*. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
19. **Phùng Đức Tiến, Nguyễn Quý Khiêm và Nguyễn Thị Mười** (2008). Kết quả nghiên cứu chọn tạo hai dòng gà hương trứng HA1, HA2. *Phần Di truyền - Giống vật nuôi*. BCKH Bộ NNPTNT, Hà Nội 10/2009, trang: 308-16.
20. **Trần Thanh Vân, Nguyễn Duy Hoan và Nguyễn Thị Thúy My** (2015a). *Giáo trình Chăn nuôi gia cầm*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
21. **Trần Thanh Vân, Đỗ Thị Kim Dung, Vũ Ngọc Sơn và Nguyễn Thị Thúy My** (2015b). Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà địa phương Lạc Thủy-Hòa Bình. *HNKH Chăn nuôi-Thú y toàn quốc*. Trường ĐH Cần Thơ.

ĐẶC ĐIỂM HÓA CHI TIẾT NGOẠI HÌNH CỦA GIỐNG GÀ MÍA

Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Hoàng Thịnh, Phạm Kim Đăng¹ và Bùi Hữu Đoàn^{1}*

Ngày nhận bài báo: 30/11/2022 - Ngày nhận bài phản biện: 20/12/2022

Ngày bài báo được chấp nhận đăng: 30/12/2022

TÓM TẮT

Đặc điểm ngoại hình là một chỉ tiêu có tầm quan trọng hàng đầu trong chọn giống gia cầm. Đã có nhiều nghiên cứu mô tả về đặc điểm ngoại hình của giống gà Mía, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều đặc điểm chưa được mô tả đầy đủ và chi tiết hóa... Nghiên cứu này được tiến hành nhằm mục đích

¹ Học Viện Nông nghiệp Việt Nam

* Tác giả liên hệ: PGS.TS. Bùi Hữu Đoàn, Học Viện Nông nghiệp Việt Nam. Email: bhdoancngc@gmail.com; Tel: 0975229668.

đặc điểm hóa chi tiết và đầy đủ về ngoại hình của giống gà Mía phục vụ cho công tác chọn giống gà Mía. Sử dụng phương pháp chụp ảnh gà ở các giai đoạn 01 ngày tuổi, 8 tuần tuổi và trưởng thành (38 tuần tuổi); hội thảo lấy ý kiến của người chăn nuôi gà Mía, của các cán bộ khoa học của địa phương và Hà Nội, Viện Chăn nuôi, Khoa Chăn nuôi; xác định một số chiều đo cơ bản của gà Mía... để chi tiết hóa ngoại hình của gà Mía. Kết quả, đề tài đã đưa ra nhiều đặc điểm ngoại hình đặc trưng quan trọng của gà ở nhiều lứa tuổi khác nhau.

Từ khóa: Gà Mía, đặc điểm ngoại hình, màu lông, màu chân.

ABSTRACT

The appearance characteristics details of Mía chicken breed

Morphological characteristics are the most important criterion in the selection of poultry breeding. There have been many descriptive studies on the appearance characteristics of the Mía chicken breed, but there are still many characteristics that have not been fully described and detailed... This study was conducted for characterization. The detailed and complete appearance of the Mía chicken breed for the selection of the Mía chicken breed. Using the method of photographing chickens at one day old, 8 weeks old, and adult (38 weeks old); workshops to collect ideas from Mía chicken farmers, local and Hanoi scientific staff, Institute of Livestock Production, Faculty of Livestock Production; determine some basic dimensions of chicken Mía... to detail the appearance of Mía chicken. As a result, the study presented many important characteristic appearance characteristics of chickens at different ages.

Keywords: Mía chicken, Appearance characteristics, feather color, leg color.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gà Mía là một giống gà bản địa nổi tiếng, xuất xứ từ làng cổ Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Đây là một trong những giống gà có ngoại hình đẹp nhất trong số hàng chục giống gà nội của nước ta với đặc điểm nổi bật là có khối lượng cơ thể tương đối lớn, mào đơn, tích lớn; thịt sáng màu, chất lượng thịt và trứng rất thơm ngon. Với các ưu điểm đó, gà Mía luôn chiếm lĩnh thị trường rộng lớn trong tập đoàn gà nội và luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ tính từ năm 2004 đến 2018 đã có đến 6 đề tài nghiên cứu cấp bộ và cấp thành phố để chọn lọc gà Mía (Nguyễn Huy Đạt và ctv, 2004; Hồ Xuân Tùng và ctv, 2009; Lưu Quang Minh và ctv, 2016; Ngô Thị Kim Cúc và ctv, 2016; Nguyễn Duy Vụ và ctv, 2016). Tuy nhiên, các đề tài này chủ yếu sử dụng phương pháp chọn lọc thông qua các đặc điểm ngoại hình và năng suất... đã mang lại một số kết quả bước đầu nhưng tiến bộ di truyền thấp, kết quả chọn lọc không chắc chắn. Ngay cả với các tính trạng ngoại hình, vẫn còn khá nhiều đặc điểm của gà Mía chưa được mô tả kỹ và chi tiết hóa như đặc điểm của chân gà, mào, sự phát dục

của bộ lông... Nghiên cứu này được tiến hành nhằm mục đích đặc điểm hóa chi tiết và đầy đủ về ngoại hình của giống gà Mía phục vụ cho công tác chọn giống gà Mía chuẩn.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian

Gà Mía thuần, thu thập từ các cơ sở thuộc Hiệp hội chăn nuôi gà Mía, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2020.

2.2. Phương pháp

Sử dụng phương pháp khảo sát, phỏng vấn trực tiếp chủ 20 cơ sở chăn nuôi gà Mía có truyền thống thuộc Hội chăn nuôi gà Mía tại thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Chụp ảnh gà ở các giai đoạn 01 ngày tuổi, 8 tuần tuổi và trưởng thành (38 tuần tuổi); hội thảo lấy ý kiến của người chăn nuôi gà Mía, của các cán bộ khoa học của địa phương và Hà Nội, Viện Chăn nuôi, Khoa Chăn nuôi; xác định một số chiều đo cơ bản của gà Mía... để đặc điểm hóa ngoại hình của gà Mía. Một số chiều đo cơ thể của gà Mía (dài thân, vòng ngực, dài lườn, dài sải cánh, dài lông cánh, cao chân) được đo tại thời điểm 8 và 38 tuần tuổi (bằng thước dây) theo hướng dẫn của FAO (2012).

2.3. Xử lý số liệu

Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SAS 9.0 (2002) với các tham số thống kê: dung lượng mẫu (n), trung bình bình phương nhỏ nhất (LSM) và sai số tiêu chuẩn (SE).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm ngoại hình cơ bản của gà Mía trưởng thành

3.1.1. Màu lông

Gà Mía 01 ngày tuổi có bộ lông màu trắng tinh khiết (Hình 1); mỏ và chân màu hồng nhạt.



Hình 1. Gà Mía 01 ngày tuổi

Gà Mía trưởng thành có 4 màu lông cơ bản: 1 màu đối với con trống và 3 màu đối

với con mái. Màu lông được quan sát thấy ở gà trống là màu đỏ tía hay “mã mận” chiếm 100%. Gà Mía mái trưởng thành: có 3 màu lông chính: “mã thớ”, “mã nhàn” và “mã sè”. Gà Mía mái có lông màu “mã thớ” - màu chủ đạo là trắng ngà chiếm tỷ lệ nhiều nhất (44,57%), tiếp theo là “mã nhàn” - màu quả nhàn hay màu lá chuối khô chiếm tỷ lệ (41,57%) và thấp nhất là “mã sè” - màu nâu sẫm không đồng nhất (có nhiều chấm nhỏ trên bộ lông, tương tự như bộ lông của loài chim sè) chiếm 13,85%.

Đặc điểm màu sắc bộ lông của gà Mía trong nghiên cứu này tương đồng với các công bố trước đây của các tác giả (Nguyễn Huy Đạt và ctv, 2004; Hồ Xuân Tùng và ctv, 2009; Ngô Thị Kim Cúc và ctv, 2016; Nguyễn Duy Vụ và ctv, 2016).

3.1.2. Mào, tích

Gà Mía cả trống và mái đều có mào và tích màu đỏ tươi, rất phát triển. Mào gà Mía trưởng thành thường dựng đứng, có các thùy hình răng cưa (đơn và kép). Số lượng các răng cưa trên mào tương đối khác nhau.



Hình 2a. Mào 5 thùy răng cưa đơn



Hình 2b. Mào 5 thùy răng cưa kép



Hình 2c. Mào 6 thùy răng cưa đơn



Hình 2d. Mào 7 thùy răng cưa kép

Kiểu mào được tìm thấy ở gà Mía trống và mái bao gồm kiểu mào cò 5 thùy đơn (Hình 2a), kiểu mào cò 5 thùy kép (Hình 2b), mào cò 6 thùy đơn (Hình 2c), mào cò 6 thùy kép, mào cò 7 thùy đơn (Hình 2d). Trong các kiểu mào trên thì mào cò đơn 6 thùy là chiếm ưu thế ở cả 2 tính biệt với tỷ lệ 33,00% đối với con trống và 34,85% đối với con mái (Bảng 1). Kiểu mào cò kép 7 thùy có tỷ lệ rất thấp trong tổng đàn (3,0% ở gà trống và 1,3% ở gà

mái). Theo các tác giả Ngô Thị Kim Cúc và ctv (2016); Nguyễn Duy Vụ và ctv (2016) cho biết gà Mía có mào cò rất phát triển, nhưng hầu hết các tác giả trên chỉ mới dừng lại ở việc mô tả kiểu mào, chưa đi sâu vào mô tả chi tiết các thùy của mào gà Mía.

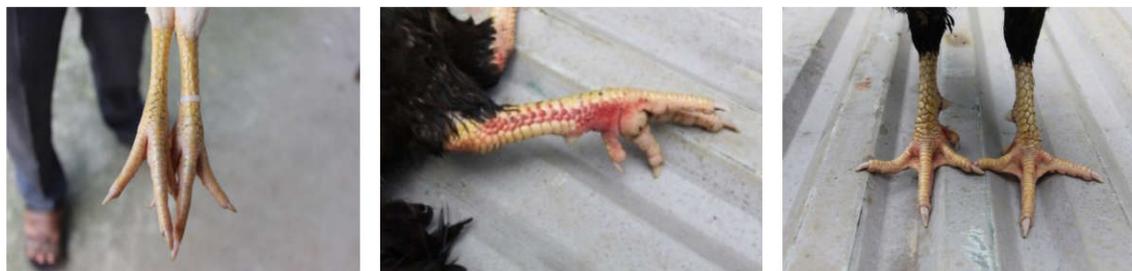
3.1.3. Mỏ gà

Gà Mía phổ biến có mỏ to vừa phải, cân đối, tương đối ngắn với 2 màu chính là màu

trắng ngà và màu vàng nâu. Đối với gà trống, hai màu xuất hiện với tỷ lệ tương đương nhau là 49,28 và 50,72%; trong khi ở gà mái, mỏ có màu vàng nâu chiếm tỷ lệ cao hơn (55,58% so với 44,42%). Theo tác giả Nguyen Van Duy và ctv (2015), trong quần thể gà Hồ, tính trạng chân vàng chiếm tỷ lệ thấp (3,70% ở gà trống và gà mái là 5,94%).

3.1.4. Chân gà

Gà Mía có đôi chân to vừa phải, cân đối so với thân hình, có màu vàng nhạt ở cả con trống và con mái (tỷ lệ 100%). Đặc biệt má ngoài của chân có hai hàng ca rô màu đỏ tươi; vẩy sừng; ngón chân dài vừa phải, da ở kẽ giữa các ngón chân có màu hồng nhạt (Hình 3). Đó là đặc điểm đặc trưng của chân gà Mía.



Hình 3. Chân vẩy sừng, má ngoài có hai hàng ca rô màu đỏ tươi, kẽ các ngón chân có màu hồng nhạt

Bảng 1. Hình thái của gà Mía trưởng thành (%)

Tính trạng		Trống (n=1.000)	Mái (n=6.000)
Màu lông	Mã mận	100	-
	Mã thỏ	-	44,58
	Mã nhân	-	41,60
	Mã sè	-	13,82
Màu da chân	Vàng	100	100
	Kẽ ngón chân hồng nhạt	100	100
	Hàng vẩy có hình caro đỏ	100	100
Số lượng thùy trên mào	Mào cò 5 thùy đơn	23,15	23,85
	Mào cò 5 thùy kép	10,85	9,85
	Mào cò 6 thùy đơn	33,00	34,85
	Mào cò 6 thùy kép	11,85	12,72
	Mào cò 7 thùy đơn	18,15	17,42
	Mào cò 7 thùy kép	3,00	1,32
Màu mỏ	Trắng ngà	49,28	44,42
	Vàng nâu	50,72	55,58

3.2. Kích thước một số chiều đo cơ thể của gà Mía

Kích thước một số chiều đo cơ thể của gà Mía ở 8 và 38 tuần tuổi được thể hiện ở bảng 2.

Khi trưởng thành (38 tuần tuổi), gà Mía trống và mái có chiều dài thân trung bình lần lượt là 44,25 và 39,35cm; vòng ngực gà trống là 32,85cm và gà mái là 26,46cm. Gà Mía có đôi chân dài và to vừa phải. Cao chân của gà Mía

dao động từ 7,91cm (con mái) đến 9,09cm (con trống); chu vi vòng ống chân của gà trống và gà mái lần lượt là 5,37 và 4,52cm. Kích thước các chiều đo cơ bản của gà Mía trong nghiên cứu này ở trong khoảng của TCVN 12469-2:2018. Theo Nguyen Van Duy và ctv (2015), chiều dài thân, dài lườn và vòng ngực của gà Hồ trống lần lượt là 55,25; 21,05 và 36,13cm; và tương ứng là 46,84; 17,32 và 33,30cm đối với

gà mái. Lê Thị Thu Hiền và ctv (2015) cho biết, chiều dài lưng và vòng ngực của gà Đông Tảo trống lần lượt là 23,67 và 34,76cm; gà mái là 22,82 và 31,18cm. Nguyễn Trọng Tuyển (2017) cho biết, gà Móng Tiên Phong trống có chiều dài thân là 22,20-22,70cm; gà mái có chiều dài thân là 19,65-19,95cm; vòng ngực gà trống là 30,03-30,57cm và gà mái là 26,27-26,77cm. Gà Móng Tiên Phong có chiều dài đùi gà trống là 22,48-22,77cm; gà mái là 19,40-19,81cm, vòng ống chân con trống là 8,68-8,95cm, trong khi con mái từ 6,26-6,40cm. Như vậy, các chiều đo cơ bản của gà Mía đều thấp hơn so với gà

Hồ, gà Đông Tảo và gà Móng Tiên Phong của các tác giả vừa dẫn. Điều đó cho thấy, gà Mía nằm trong nhóm 7 giống gà bản địa thân to là gà Hồ; Đông Tảo; Móng; Chọi, Liên Minh, Lạc Thủy nhưng có thân hình cân đối hơn các giống gà trong nhóm này. So với gà Ri, gà Mía có khối lượng và kích thước một số chiều đo cao hơn hẳn: chiều dài lưng trung bình của Ri chỉ 17,85-19,18cm (gà trống) và 14,66-15,26cm (gà mái); chiều dài cơ thể trung bình là 36,65-38,85cm (gà trống) và 30,54-32,96cm (gà mái) (Moula và ctv, 2012).

Bảng 2. Kích thước một số chiều đo cơ thể của gà Mía ở 8 và 38 tuần tuổi (LSM±SE, n=600)

Chi tiêu	8 tuần tuổi		38 tuần tuổi	
	Gà trống	Gà mái	Gà trống	Gà mái
Khối lượng cơ thể, g	759,89±14,28	589,56±9,21	2.689,13±34,78	1.695,56±23,19
Dài thân, cm	28,54±0,23	27,31±0,10	44,25±0,13	39,35±0,18
Vòng ngực, cm	19,05±0,17	18,12±0,09	32,85±0,17	26,46±0,11
Tỷ lệ VN/DT, cm	0,67±0,01	0,66±0,01	0,74±0,01	0,67±0,01
Dài lườn, cm	8,55±0,08	8,19±0,06	15,01±0,08	11,49±0,06
Dài sải cánh, cm	25,88±0,20	21,16±0,16	49,88±0,30	42,61±0,16
Dài lông cánh, cm	13,93±0,09	12,89±0,10	18,59±0,09	16,98±0,10
Cao chân, cm	7,37±0,03	6,11±0,03	9,07±0,03	7,91±0,03
Chu vi bàn chân, cm	4,13±0,09	3,02±0,07	5,39±0,09	4,52±0,07

4. KẾT LUẬN

Gà Mía có một số đặc điểm ngoại hình đặc trưng quan trọng nhất: khi mới nở lông màu trắng tinh khiết; mào cò rất phát triển, thường có 5-7 thùy răng cưa. Đặc biệt, má ngoài của ống chân có hai hàng vảy ca rô màu đỏ tươi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Lê Thị Thu Hiền, Vũ Chí Thiện, Trần Trung Thông, Nguyễn Hữu Cường và Phạm Công Thiệu (2016). Chọn lọc và nhân thuần giống gà Mía. Tạp chí KHCVN Chăn nuôi, 61: 33-44.
2. Nguyen Van Duy, Moula N., Do Duc L., Pham Kim D., Dao Thi H., Bui Huu D., Vu Dinh T. and Farnir F. (2015). Ho Chicken in Bac Ninh Province: From an indigenous chicken to local poultry breed. Int. J. Poul. Sci., 14(9): 521-28.
3. Nguyễn Huy Đạt, Vũ Thị Hưng và Nguyễn Văn Thạch (2004). Báo cáo kết quả bảo tồn và phát triển giống gà Mía. Hội nghị Bảo tồn Quỹ gen vật nuôi 1990-2004: 163-66.
4. FAO (2012). Phenotypic characterization of animal

genetic resources, fao anial production and health. Rome: Food and agriculture organization of united nations.

5. Lê Thị Thu Hiền, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Hữu Cường, Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Thị Tình, Nguyễn Thị Kim Oanh, Phạm Thùy Linh, Nguyễn Thanh Sơn và Phùng Văn Cảnh (2015). Chọn lọc nhân thuần giống gà Đông Tảo. Tạp chí KHCVN Chăn nuôi, 57: 31-38.
6. Lưu Quang Minh, Trần Xuân Hoàn, Phạm Thị Phương Mai, Trần Xuân Toàn, Nguyễn Hoàng Đăng, Phạm Việt Liên, Nguyễn Thị Nga và Nguyễn Hữu Cường (2016). Môi liên kết giữa gen Mx và BF2 đối với khả năng kháng/mẫn cảm bệnh cúm A/H5N1 ở gà Mía Việt Nam. Bản B của Tạp chí KHCVN Việt Nam, 58(8): 17-23.
7. Moula N., Antoine-Moussiaux N., Luc D.D., Dang P.K., Ton V.D., Binh D.V., Leroy P. and Farnir F. (2012). Comparaison de la qualite des oeufs de deux races de poules vietnamiennes (Ri et mia). Poster session presented at 10ème Journées des Sciences Vétérinaires, Alger, Algeria.
8. Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Huy Đạt, Trần Văn Phương và Vũ Chí Thiện (2009). Bảo tồn nguồn gen gà nội (gà Hồ, Mía và gà Móng). Báo cáo Kết quả Bảo tồn nguồn gen vật nuôi Việt Nam (2005-2009): 82-95.

9. Nguyễn Trọng Tuyển (2017). Nghiên cứu các đặc điểm kiểu hình, kiểu gen phục vụ cho khai thác và phát triển nguồn gen giống gà Móng Tiên Phong. Luận văn Tiến sỹ, Viện KH Nông nghiệp miền Nam.
10. Nguyễn Duy Vụ, Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Duy Khánh và Nguyễn Tiến Dũng (2016). Khả năng sản xuất của đàn gà Mía hạt nhân và phương pháp cai ấp cho gà Mía. Tạp chí Thăng Long KHCN, 3: 38-42.

NĂNG SUẤT SINH SẢN CỦA NHÓM LỢN NÁI ĐAN MẠCH

Đỗ Võ Anh Khoa^{1,2*}, Nguyễn Tuyết Giang³, Phạm Thị Huệ¹, Bùi Thị Diệu Mai¹, Vũ Thị Thúy Ngân¹, Nguyễn Hải Đăng⁴ và Huỳnh Thị Phương Loan⁵

Ngày nhận bài báo: 25/11/2022 - Ngày nhận bài phản biện: 16/12/2022

Ngày bài báo được chấp nhận đăng: 26/12/2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá năng suất sinh sản của nhóm lợn nái có xuất xứ từ Đan Mạch. Đối tượng được khảo sát là 89 con lợn nái lai LY/YL được phối với lợn đực Duroc. Kết quả nghiên cứu cho thấy (i) Số lợn con khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$) giữa các nhóm lứa đẻ ở các thời điểm từ sơ sinh đến 21 ngày tuổi, mặc dù số lợn con cao nhất ở nhóm lợn nái trên 4 lứa đẻ, kế tiếp là nhóm lợn nái 2-4 lứa đẻ và thấp nhất nhóm lợn nái ở lứa đẻ thứ nhất; (ii) Khối lượng lợn con tăng dần theo độ tuổi, lợn đực nặng hơn lợn cái ở tất cả các nhóm lứa đẻ nhưng không có khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các lứa đẻ ở thời điểm sơ sinh và 21 ngày tuổi. Ở 7 và 14 ngày tuổi, lợn con có khối lượng cao nhất ở nhóm nái trên 4 lứa đẻ và thấp nhất ở nhóm lứa đẻ 1 ($P<0,05$); (iii) Có 43,82% lợn nái có vấn đề sinh sản, chủ yếu là thai chết lưu, trong khi có 6,44% thai hoặc lợn con có vấn đề, do các nguyên nhân như thai gở, thai bị ngộp, bị lợn mẹ cắn hoặc bị đè và lợn con nhẹ cân và (iv) Tỷ lệ lợn con mắc tiêu chảy cao nhất ở giai đoạn từ sơ sinh đến 7 ngày tuổi (2,25%), thấp nhất ở giai đoạn 14-21 ngày tuổi (0%). Tất cả lợn con bị tiêu chảy đều được điều trị với tỷ lệ khỏi bệnh là 100%.

Từ khóa: *Khối lượng, lợn nái, lứa đẻ, tiêu chảy.*

ABSTRACT

Reproductive performance of Danish sows' group

The study was conducted to evaluate the reproductive performance of a group of Danish sows' group. A total of 89 LY/YL crossbred sows bred with Duroc boars was observed in this study. The results showed that (i) the number of piglets was not statistically significant ($P>0.05$) among the parity groups at the time from birth to 21 days of age, although the number of piglets was highest in the group of parities above 4, followed by the group 2-4 parities and lowest in group of first parity; (ii) The live weight of piglet increased with age and boars are heavier than sows in all parity groups although there was no significant difference among the parities at birth and 21 days of age. At 7 and 14 days of age, the weight of piglet was highest in the group of parities above 4 and lowest in the group 1st parity ($P<0.05$); (iii) There was 43.82% of sows with reproductive problems, mainly stillbirth fetuses, while 6.44% of fetuses or piglets have problems, due to problems of wooden fetuses, asphyxiated fetuses, bitten or crushed by the mother sow and low birth weight piglets and (iv) The percentage of piglets with diarrhea was highest in the period from birth to 7 days of age (2.25%) and lowest at 14-21 days of age (0%). All piglets with diarrhea were treated with a success rate of 100%.

Keywords: *Live weight, sow, parity, diarrhea.*

¹Trường Đại học Lâm Nghiệp

²Viện Chăn nuôi

³Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP. HCM

⁴Trường Song ngữ Á Châu (ABC Edu)

⁵Trường Đại học Cần Thơ

*Tác giả liên hệ: PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa. Điện thoại: 0918 026 653. E-mail: dvakhoa@gmail.com